TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH** --- Số: 02 /2024/QĐST-DS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *K, ngày 19 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào cỏc Điều 280, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dõn sự;

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dÂn sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBNTVQH14;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10/4/2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 06/2024/TLST - DS ngày 12/3/2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH C; Địa chỉ: Lô 29, KCN B 2, phường Long Bình, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức T – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thanh Dạ Q, sinh năm 1991 và ông Nguyễn Trường T2, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tòa nhà F, số 18A P, phường M 2, quận N, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Thế C, sinh năm 1952 và bà Trần Thị D; Địa chỉ: xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Công T1, sinh năm 1993; Địa chỉ: xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Vợ chồng ông Nguyễn Thế C và bà Trần Thị D phải thanh toán số tiền 156.315.336^{đ} tiền mua cám còn nợ Công ty TNHH C.

2.2 Phương thức và thời gian thanh toán: Ngày 30/5/2024 trả 56.315.336^{đ}. Số tiền 100.000.000^{đ} được trả trong 12 tháng. Cụ thể: Từ ngày 30/6/2024 đến ngày

30/3/2025 mỗi tháng trả 8.000.000đ vào ngày 28 hàng tháng. Hai tháng còn lại mỗi tháng trả 10.000.000đ.

2.3 Nếu vợ chồng ông C, bà D, anh T1 vi phạm thỏa thuận thanh toán đã ký kết liên tiếp hai tháng thì thỏa thuận thanh toán chấm dứt. Công ty TNHH C có quyền yêu C Cơ quan thi hành án dân sự huyện K buộc vợ chồng ông C, bà D và anh T1 phải thanh toán toàn bộ số tiền còn lại một lần.

2.4 Trường hợp vợ chồng ông C, bà D vì lý do bất khả kháng không thực hiện được thỏa thuận thì anh T1 có nghĩa vụ thực hiện trả tiền theo thỏa thuận.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án người phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Thế C, bà Trần Thị D và anh Nguyễn Văn T1 có trách nhiệm nộp 3.908.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty TNHH C số tiền 4.533.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002149 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Thế Anh